

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm tương đồng với diễn biến thị trường chứng khoán thế giới sau khi Ủy ban ngân sách quốc hội Mỹ cho rằng lạm phát Mỹ năm 2022 sẽ đạt 4.7%, giảm về 2.7% năm 2023 và biên bản cuộc họp tháng 5 của Fed cho thấy quyết tâm kiềm chế lạm phát của Fed

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

HĐTL tăng điểm trái chiều với diễn biến thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

ACB, MSH

[Quan điểm đầu tư]

Nhà đầu tư được khuyến nghị tiếp tục nắm giữ các vị thế trading đã mở trong những phiên trước và chỉ gia tăng tỷ trọng trở lại khi chỉ số lùi về vùng hỗ trợ đã đề cập.

26/05/2022

| | Chỉ số | Thay đổi (%, bp) |
|--------------------------|----------|---------------------|
| VNIndex | 1,268.57 | +0.01 |
| VN30 | 1,309.50 | -0.09 |
| HĐTL VN30F1M | 1,300.90 | +0.12 |
| HNXIndex | 313.29 | -0.51 |
| HNX30 | 564.18 | -0.64 |
| UPCoM | 94.95 | +0.18 |
| USD/VND | 23,205 | +0.03 |
| Lợi suất TPCP 10 năm (%) | 3.13 | +1 |
| Lãi suất qua đêm (%) | 0.93 | +0 |
| Dầu (WTI, \$) | 110.96 | +0.57 |
| Vàng (LME, \$) | 1,848.14 | -0.29 |



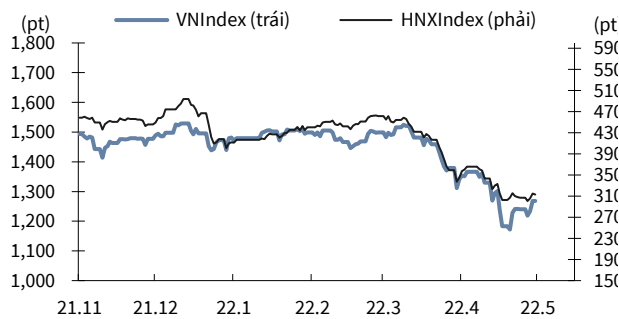
Điểm nhấn thị trường

| | |
|--------------------------|--------------------------|
| VNIndex | 1,268.57 (+0.01%) |
| KLGD (triệu CP) | 541.9 (-6.9%) |
| GTGD (triệu US\$) | 593.2 (-17.0%) |
| HNXIndex | 313.29 (-0.51%) |
| KLGD (triệu CP) | 81.9 (-14.3%) |
| GTGD (triệu US\$) | 66.7 (-24.0%) |
| UPCoM | 94.95 (+0.18%) |
| KLGD (triệu CP) | 47.8 (-1.0%) |
| GTGD (triệu US\$) | 33.6 (-5.6%) |

TTCK Việt Nam tăng điểm tương đồng với diễn biến thị trường chứng khoán thế giới sau khi Ủy ban ngân sách quốc hội Mỹ cho rằng lạm phát Mỹ năm 2022 sẽ đạt 4.7%, giảm về 2.7% năm 2023 và biên bản cuộc họp tháng 5 của Fed cho thấy quyết tâm kiềm chế lạm phát của Fed. Đại diện Viện Đào tạo và Nghiên cứu BIDV dự báo lợi nhuận nhiều ngân hàng năm 2022 sẽ tăng 20 - 25% tác động tích cực đến cổ phiếu nhóm ngân hàng ở BID (+0.6%), TCB (+0.5%). Theo số liệu từ Tổng cục Hàng không, số chuyến bay khai thác trong tháng 5 đạt 26,098 chuyến, tăng 29.1% so với cùng kỳ, tương ứng tăng 43.2% so với tháng trước giúp cổ phiếu hàng không tăng giá ở HVN (+0.3%). Khối ngoại bán ròng ở HPG (+1.6%), VIC (0%), DXG (-1.3%).

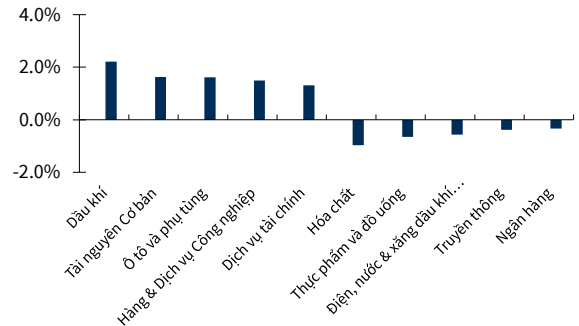
NĐTNN mua ròng (triệu US\$) -14.7

VNIndex & HNXIndex



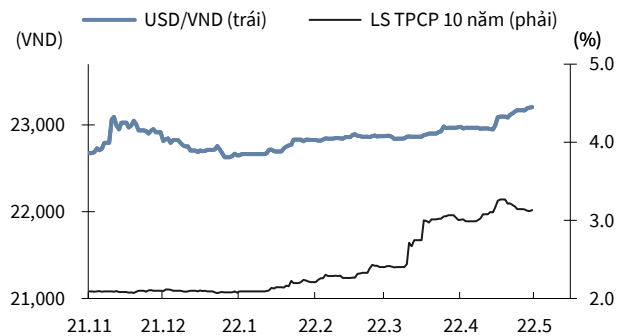
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



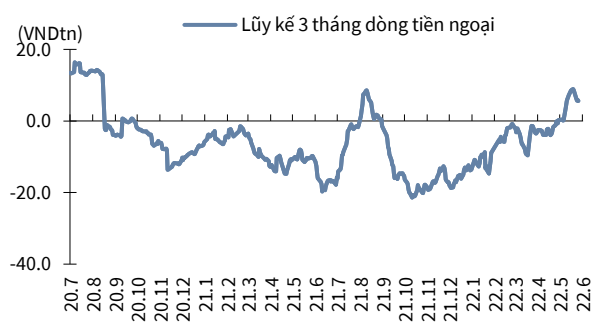
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

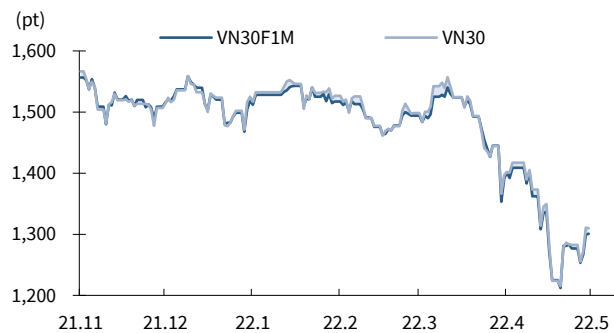
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

| | |
|------------------|--------------------------|
| VN30 | 1,309.50 (-0.09%) |
| VN30F1M | 1,300.9 (+0.12%) |
| Mở cửa | 1,302.0 |
| Cao nhất | 1,310.5 |
| Thấp nhất | 1,292.1 |

HĐTL tăng điểm trái chiều với diễn biến thị trường cơ sở. Chênh lệch F2206 và chỉ số VN30 mở cửa ở mức -11.4 điểm, sau đó biến động trong biên độ âm suốt phiên giao dịch và xuống mức thấp nhất ngày đạt -17.2 điểm, và đóng cửa tại mức -8.6 điểm. Khối ngoại mua ròng với thanh khoản thị trường giảm mạnh.

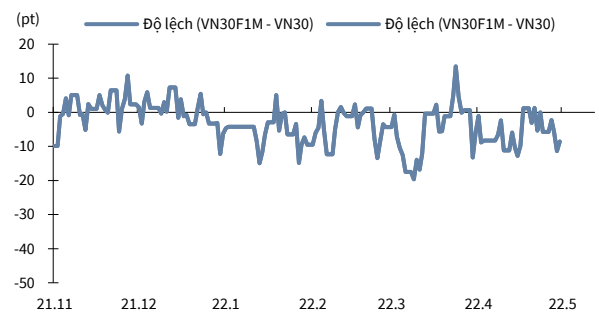
| | |
|------------------|-------------------------|
| KLGD (HĐ) | 280,231 (-12.4%) |
|------------------|-------------------------|

HĐTL VN30F1M & VN30



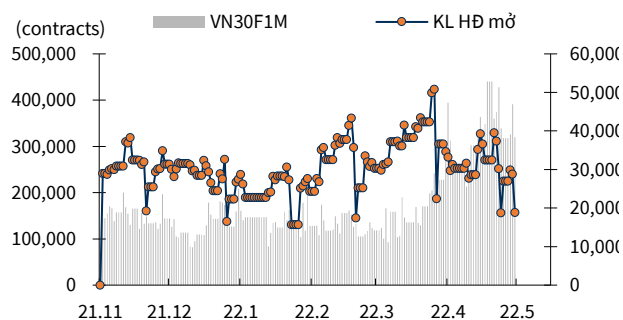
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



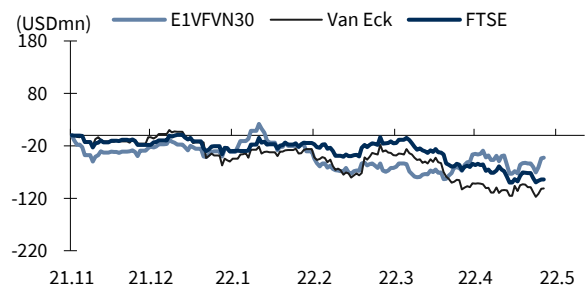
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

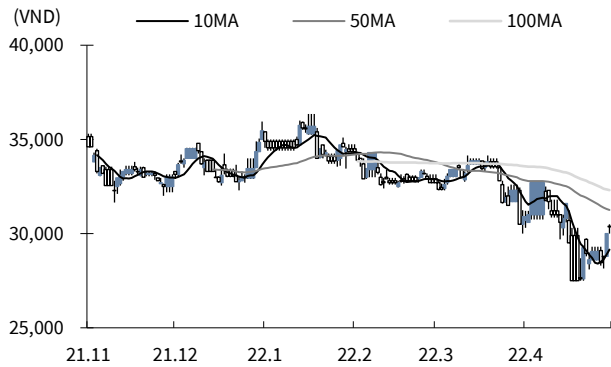
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

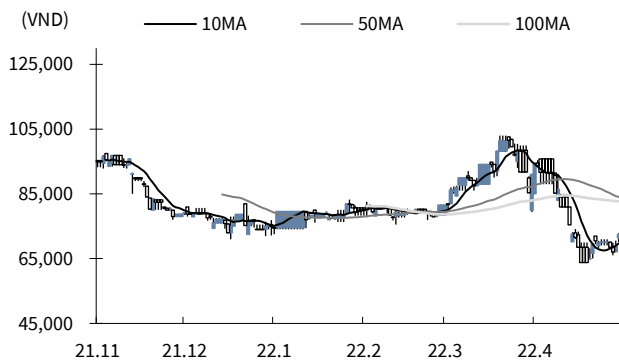
Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- ACB tăng 1.17% lên 30,350 VND/cp
- ACB thông báo phát hành cổ phiếu trả cổ tức tỷ lệ 25%, ngày chốt danh sách cổ đông là ngày 3/6/2022, theo đó, Ngân hàng dự kiến phát hành 675.4 triệu cổ phiếu nâng vốn điều lệ của ACB từ hơn 27,019 tỷ đồng lên 33,774 tỷ đồng.
- Năm 2022, ACB đặt mục tiêu lợi nhuận trước thuế 15,018 tỷ đồng, tăng 25% YoY, dư nợ cho vay khách hàng dự kiến tăng 10% lên 398.299 tỷ đồng, theo chỉ tiêu được NHNN giao và sẽ được điều chỉnh cao hơn khi có sự chấp thuận.

CTCP May Sông Hồng (MSH)



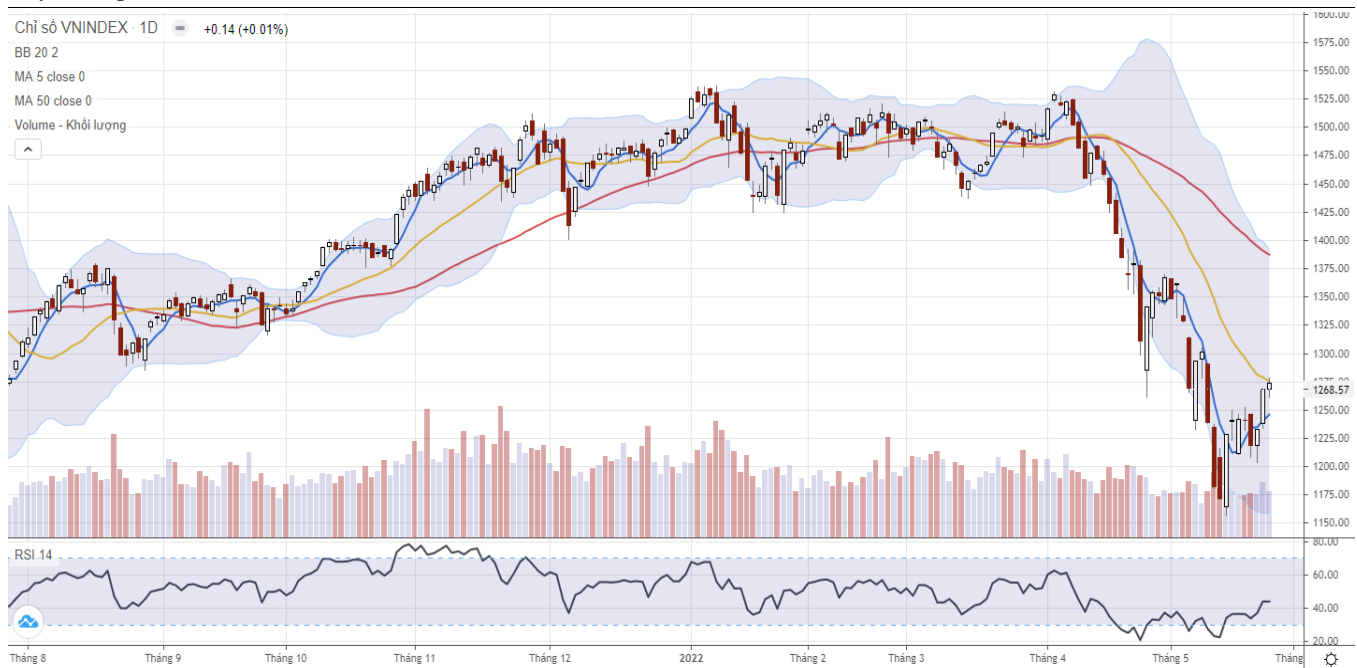
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- MSH tăng 5.38% lên 72,500 VND/cp
- CTCP May Sông Hồng công bố ngày 8/6 là ngày chốt danh sách cổ đông để trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu với tỷ lệ thực hiện 50%, cổ đông sở hữu hai cổ phần sẽ được nhận thêm một cổ phần mới, số cổ phiếu này được tự do chuyển nhượng. Vốn điều lệ sau phát hành tăng từ 500 tỷ đồng lên 750 tỷ đồng.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



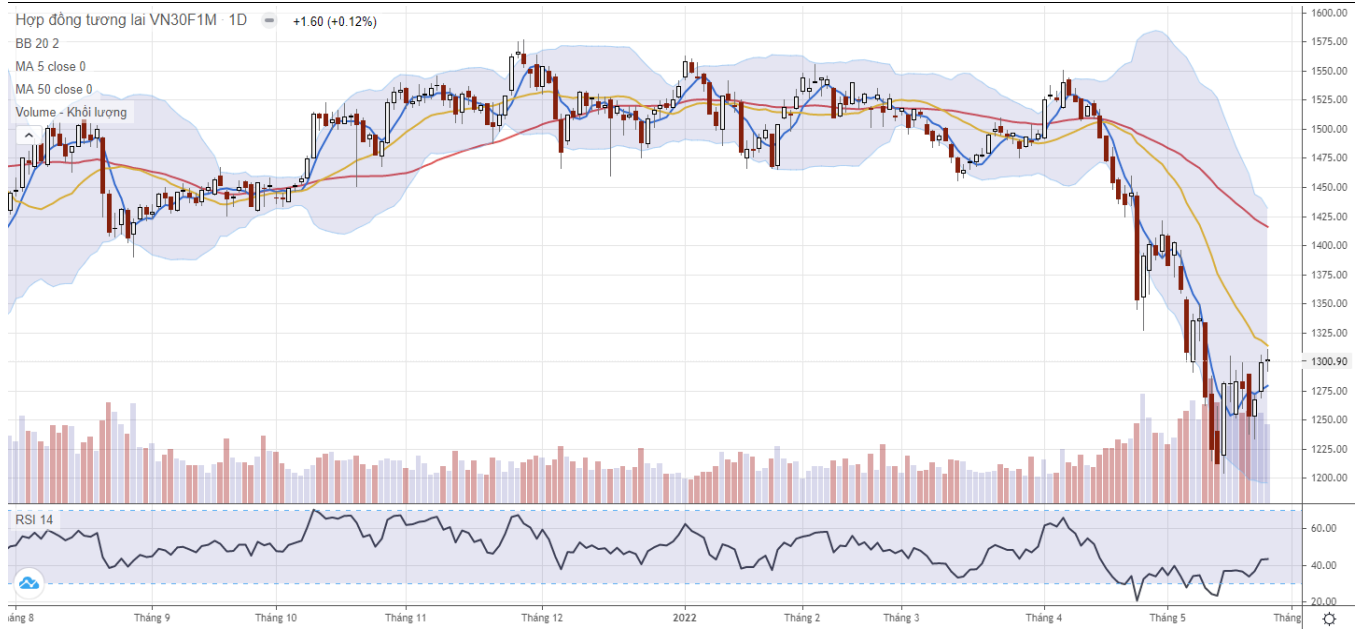
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex ghi nhận một phiên tăng điểm với diễn biến giằng co và xung lực có phần suy yếu về cuối phiên.
- Vùng cản gần quanh 1280 (+5), tương ứng với đường MA20, đang gây áp lực lên đà hồi phục tích cực của chỉ số. Mặc dù tín hiệu này để ngỏ rủi ro tiếp tục diễn biến rung lắc trong phiên kế tiếp nhưng chúng tôi nghiêng về khả năng VNIndex sẽ tiếp tục hướng lên vùng cản kế tiếp quanh 1300 trước khi chịu áp lực điều chỉnh rõ nét hơn. Vùng hỗ trợ gần quanh 125x được kỳ vọng sẽ đóng vai trò điểm đỡ gần cho chỉ số.
- Nhà đầu tư được khuyến nghị tiếp tục nắm giữ các vị thế trading đã mở trong những phiên trước và chỉ gia tăng tỷ trọng trở lại khi chỉ số lùi về vùng hỗ trợ đã đề cập.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1328 - 1331

Kháng cự gần: 1309 - 1314

Hỗ trợ gần: 1285 - 1287

Hỗ trợ xa: 1262 - 1266

- F1 ghi nhận một phiên tăng điểm, diễn biến giằng co và xung lực có phần suy yếu cuối phiên.
- Vùng cản gần quanh 130x, tương ứng với đường MA20, đang gây áp lực lên đà hồi phục tích cực của chỉ số. Mặc dù tín hiệu này để ngỏ rủi ro tiếp tục diễn biến rung lắc trong phiên kế tiếp nhưng chúng tôi nghiêng về khả năng F1 sẽ tiếp tục hướng lên vùng cản kế tiếp quanh 1340 trước khi chịu áp lực điều chỉnh rõ nét hơn. Vùng hỗ trợ gần quanh 128x được kỳ vọng sẽ đóng vai trò điểm đỡ gần cho chỉ số.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Ưu tiên mở vị thế SHORT tại các vùng kháng cự hoặc mở LONG khi chỉ số lùi về vùng hỗ trợ.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Tiếp tục nắm giữ vị thế Long đã mở, chỉ STOP nếu đánh mất vùng hỗ trợ xa.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

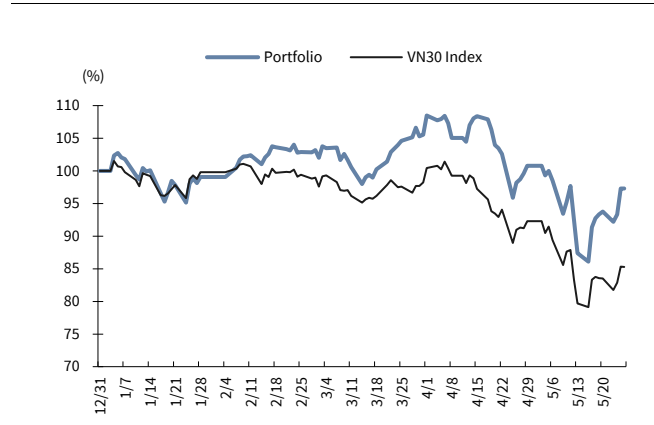
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

| | VN30 Index | Master Portfolio |
|-------------------|------------|------------------|
| Tăng trong phiên | -0.09% | 0.01% |
| Tăng lũy kế (YTD) | -14.73% | -2.68% |

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

| Mã CP | Ngày khuyến nghị | Giá đóng cửa 26/05/2022 | Tăng/giảm trong phiên (%) | Tăng/giảm lũy kế (%) | Điểm nhấn đầu tư |
|---------------------------------|------------------|-------------------------|---------------------------|----------------------|---|
| Mobile World (MWG) | 09/08/2019 | 139,000 | 0.0% | 79.9% | - MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm |
| Dam Phu My (DPM) | 04/03/2022 | 56,500 | -3.9% | -2.5% | - Giá phân bốn tiếp tục duy trì ở mức cao với nguồn cung hạn chế, trong khi nhu cầu trong nước phục hồi - Tình hình tài chính lành mạnh, ROE cao nhất ngành, đòn bẩy thấp |
| Phu Nhuận Jewelry (PNJ) | 22/03/2019 | 114,300 | -1.0% | 50.6% | - Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP" |
| Nam Tân Uyên (NTC) | 11/11/2021 | 172,000 | -0.6% | -11.3% | - Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh |
| Refrig Elec Eng (REE) | 11/10/2018 | 83,800 | 4.5% | 171.3% | - Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn |
| FPT Corp (FPT) | 06/09/2018 | 105,600 | 0.6% | 260.7% | - Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020 |
| Vietin Bank (CTG) | 31/01/2020 | 26,700 | -0.7% | 42.3% | - Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh |
| PV Gas (GAS) | 11/12/2020 | 107,600 | -0.7% | 47.7% | - Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh |
| Hoa Phat Group (HPG) | 04/12/2019 | 35,000 | 1.6% | 138.0% | - Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần. |
| Kinhbacs City Development (KBC) | 09/03/2020 | 43,950 | 0.3% | 219.7% | - Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc |

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

| Mã | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Mua ròng (Tỷ VND) |
|----------|--------------|-----------------------|-------------------|
| FUEVFNVD | 1.5% | 97.5% | 209.1 |
| DGC | -1.6% | 15.1% | 31.7 |
| VCI | 0.5% | 19.6% | 19.3 |
| GMD | -1.5% | 44.9% | 16.2 |
| SSI | 2.3% | 35.4% | 15.0 |

| Mã | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Bán ròng (Tỷ VND) |
|-----|--------------|-----------------------|-------------------|
| HPG | 1.6% | 21.3% | -105.3 |
| VIC | 0.0% | 12.5% | -70.0 |
| DXG | -1.3% | 31.2% | -48.1 |
| VND | 0.2% | 18.3% | -32.2 |
| MSN | -1.7% | 28.7% | -63.1 |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

| Mã | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Mua ròng (Tỷ VND) |
|-----|--------------|-----------------------|-------------------|
| IDC | -1.7% | 1.3% | 2.7 |
| SHS | -1.1% | 6.5% | 0.6 |
| APS | 0.5% | 1.0% | 0.4 |
| TNG | 0.0% | 1.9% | 0.2 |
| PSW | 0.0% | 0.9% | 0.1 |

| Mã | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Bán ròng (Tỷ VND) |
|-----|--------------|-----------------------|-------------------|
| CEO | -2.0% | 0.6% | -2.2 |
| NTP | 4.1% | 17.9% | -1.3 |
| PVS | -2.7% | 9.1% | -0.6 |
| HMH | 2.6% | 3.1% | -0.2 |
| LHC | -0.7% | 18.1% | -0.1 |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

| 5 ngành diễn biến tích cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
|---------------------------------|--------------|--------------|
| Công nghệ thông tin | 8.2% | FPT, SAM |
| Hóa chất | 7.8% | GVR, DCM |
| Hàng cá nhân & Gia dụng | 7.4% | PNJ, GIL |
| Bán lẻ | 6.2% | MWG, DGW |
| Bảo hiểm | 6.1% | BVH, MIG |

| 5 ngành diễn biến tiêu cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
|---------------------------------|--------------|--------------|
| Tài nguyên Cơ bản | -5.1% | HPG, DTL |
| Truyền thông | -1.3% | YEG, ADG |
| Du lịch và Giải trí | -1.0% | HVN, VJC |
| Thực phẩm và đồ uống | 0.4% | SAB, MSN |
| Điện, nước & xăng dầu khí đốt | 1.3% | PGV, TMP |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

| 5 ngành diễn biến tích cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
|---------------------------------|--------------|--------------|
| Hàng & Dịch vụ Công nghiệp | 2.4% | REE, HAH |
| Công nghệ thông tin | 1.1% | FPT, SAM |
| Điện, nước & xăng dầu khí đốt | -1.4% | GEG, VSH |
| Bất động sản | -1.5% | VHM, KBC |
| Truyền thông | -1.9% | PNC, ADG |

| 5 ngành diễn biến tiêu cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
|---------------------------------|--------------|--------------|
| Tài nguyên Cơ bản | -14.4% | HPG, HSG |
| Bảo hiểm | -11.3% | BVH, BIC |
| Dịch vụ tài chính | -9.9% | VND, SSI |
| Hóa chất | -8.7% | GVR, DPM |
| Du lịch và Giải trí | -8.2% | HVN, VJC |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

| Ngành | Mã | Tên công ty | Giá bán | Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD mn) | GTGD (VND triệu, USD mn) | Room còn lại (%,-1d) | P/E (X) | | EPS CAGR (%) | ROE (%) | | P/B (X) | | Biến động (%) | | | |
|--------------------------|------------------|------------------|--------------|-------------------------------------|--------------------------|----------------------|---------|------|--------------|---------|------|---------|-----|---------------|------|-------|-------|
| | | | | | | | 20E | 21E | | 20E | 21E | 20E | 21E | 1D | 1W | 1M | YTD |
| Bất Động Sản | VIC | VINGROUP JSC | 97,778 | 372,067 (16,170) | 174,297 (7.6) | 22.5 | 123.9 | 38.2 | 14.7 | 2.5 | 7.3 | 2.9 | 2.7 | 0.0 | -0.3 | -0.4 | -18.3 |
| | VHM | VINHOMES JSC | 79,385 | 339,478 (14,753) | 299,865 (13.0) | 26.6 | 9.0 | 7.4 | 35.9 | 23.7 | 22.9 | 1.9 | 1.6 | 1.2 | 2.5 | 5.7 | -16.2 |
| | VRE | VINCOM RETAIL JS | 34,850 | 79,190 (3,442) | 118,239 (5.1) | 17.8 | 29.0 | 18.3 | -7.6 | 7.8 | 11.1 | 2.1 | 2.0 | 0.5 | 8.0 | -4.7 | -1.7 |
| | NVL | NO VA LAND INVES | 45,853 | 86,712 (3,768) | 232,107 (10.1) | 31.3 | 26.3 | 17.6 | 6.7 | 15.6 | 18.8 | 3.7 | 2.9 | -1.1 | 0.0 | -3.7 | -14.3 |
| | KDH | KHANG DIEN HOUSE | 31,182 | 19,167 (833) | 47,922 (2.1) | 11.6 | 19.4 | 15.6 | 13.7 | 13.3 | 14.0 | 2.2 | 1.9 | 1.3 | -0.1 | 11.7 | -18.7 |
| | DXG | DAT XANH GROUP | 21,130 | 12,594 (547) | 239,978 (10.4) | 13.9 | 12.3 | 13.2 | - | 15.1 | 12.4 | 1.3 | 1.6 | -1.3 | 6.7 | 21.6 | -22.3 |
| Ngân hàng | VCB | BANK FOR FOREIGN | 79,937 | 378,305 (16,441) | 87,165 (3.8) | 6.3 | 13.9 | 11.4 | 11.7 | 21.1 | 21.7 | 2.7 | 2.2 | -0.4 | 0.9 | -4.7 | -2.7 |
| | BID | BANK FOR INVESTM | 34,507 | 174,556 (7,586) | 48,482 (2.1) | 12.7 | 13.5 | 9.4 | -5.3 | 16.5 | 19.2 | 1.9 | 1.5 | 0.6 | 1.3 | -4.9 | -5.4 |
| | TCB | VIETNAM TECHNOLO | 38,900 | 136,341 (5,925) | 287,447 (12.5) | 0.0 | 6.0 | 5.0 | 14.3 | 21.0 | 20.3 | 1.1 | 0.9 | 0.5 | 2.5 | 11.6 | -26.6 |
| | CTG | VIETNAM JS COMM | 28,512 | 137,021 (5,955) | 130,509 (5.7) | 1.4 | 6.5 | 5.5 | 50.3 | 20.3 | 20.9 | 1.2 | 1.0 | -0.7 | 2.3 | -3.4 | -21.2 |
| | VPB | VIETNAM PROSPERI | 22,944 | 101,381 (4,406) | 425,800 (18.5) | 0.0 | 7.1 | 6.8 | 18.8 | 21.4 | 17.6 | 1.4 | 1.1 | -1.4 | 2.0 | 14.7 | -13.3 |
| | MBB | MILITARY COMMERC | 19,407 | 73,327 (3,187) | 241,068 (10.5) | 0.0 | 6.9 | 5.5 | 14.6 | 24.1 | 23.4 | 1.4 | 1.1 | -1.4 | 3.4 | -5.8 | -4.3 |
| | HDB | HDBANK | 20,400 | 40,641 (1,766) | 66,043 (2.9) | 4.2 | 6.9 | 5.9 | 23.3 | 22.7 | 21.8 | 1.4 | 1.2 | -0.4 | 5.1 | 4.3 | -17.2 |
| | STB | SACOMBANK | 18,600 | 33,548 (1,458) | 421,099 (18.3) | 14.0 | 9.7 | 5.7 | 26.5 | 12.9 | 18.3 | 1.1 | 0.9 | -1.5 | 3.0 | 18.2 | -28.9 |
| | TPB | TIEN PHONG COMME | 20,630 | 28,732 (1,249) | 99,942 (4.3) | 0.0 | 7.7 | 6.2 | 37.4 | 22.4 | 22.5 | 1.6 | 1.3 | -0.9 | 1.4 | -9.6 | -23.0 |
| EIB | VIETNAM EXPORT-I | 18,500 | 22,745 (988) | 5,340 (0.2) | 0.2 | - | - | 27.3 | - | - | - | - | 0.0 | 6.9 | 5.7 | -3.6 | |
| Bảo hiểm | BVH | BAO VIET HOLDING | 61,900 | 45,950 (1,997) | 104,896 (4.6) | 21.0 | 18.0 | 15.4 | 15.8 | 10.2 | 11.1 | 1.7 | 1.6 | 1.3 | 6.8 | 13.6 | -4.5 |
| | BMI | BAOMINH INSURANC | 22,250 | 2,439 (106) | 14,346 (0.6) | 14.2 | 15.9 | 12.9 | 9.1 | 13.0 | 15.2 | 1.8 | 1.6 | 1.6 | 4.8 | -8.7 | -25.5 |
| Chứng khoán | SSI | SSI SECURITIES C | 21,998 | 19,947 (867) | 471,263 (20.4) | 55.4 | 10.6 | - | -3.2 | 22.5 | - | - | - | 2.3 | 3.3 | 14.6 | -43.1 |
| | VCI | VIET CAPITAL SEC | 27,500 | 9,108 (396) | 134,434 (5.8) | 71.9 | 8.7 | - | -4.0 | 27.1 | - | - | - | 0.5 | 5.1 | -6.7 | -46.2 |
| | HCM | HO CHI MINH CITY | 22,265 | 8,907 (387) | 95,874 (4.2) | 52.4 | 8.7 | - | -19.0 | 19.5 | - | - | - | 1.9 | 4.7 | -9.1 | -46.3 |
| | VND | VNDIRECT SECURIT | 6,983 | 5,734 (249) | 272,280 (11.8) | 27.2 | - | - | 36.3 | - | - | - | - | 0.2 | -3.4 | 22.7 | -26.8 |
| Hàng tiêu dùng thiết yếu | VNM | VIET NAM DAIRY P | 109,000 | 227,805 (9,900) | 155,518 (6.7) | 42.1 | 16.1 | 14.7 | 4.0 | 28.3 | 29.8 | 4.3 | 4.0 | -0.8 | 3.3 | -6.1 | -17.5 |
| | SAB | SAIGON BEER ALCO | 192,500 | 123,447 (5,365) | 27,719 (1.2) | 36.9 | 22.7 | 18.8 | 7.3 | 19.5 | 21.6 | 4.1 | 3.7 | -0.6 | -6.1 | -9.5 | 1.3 |
| | MSN | MASAN GROUP CORP | 79,250 | 111,712 (4,855) | 121,081 (5.3) | 16.5 | 26.8 | 21.1 | -51.9 | 16.6 | 19.7 | 4.0 | 3.5 | -1.7 | -1.6 | -6.4 | -23.8 |
| HNG | HOANG ANH GIA LA | 12,450 | 13,801 (600) | 33,469 (1.5) | 48.8 | - | - | - | - | - | - | - | 0.6 | 1.4 | 12.5 | -48.4 | |
| Công nghiệp (vận tải) | VJC | VIETJET AVIATION | 131,800 | 69,042 (3,001) | 73,372 (3.2) | 11.0 | 55.0 | - | -88.5 | 7.7 | - | - | - | -0.6 | -0.2 | -3.1 | -2.6 |
| | GMD | GEMADEPT CORP | 33,100 | 9,976 (434) | 139,865 (6.1) | 10.8 | 20.5 | 16.3 | -57.0 | 12.6 | 13.5 | 2.3 | 2.1 | -1.5 | 5.3 | 4.3 | 13.5 |
| | CII | HO CHI MINH CITY | 22,600 | 5,398 (235) | 117,809 (5.1) | 38.4 | 7.1 | 28.7 | 65.7 | 14.8 | 3.6 | 1.0 | 1.0 | -3.1 | 12.9 | -4.6 | -52.7 |
| Công nghiệp (Tư bản) | ROS | FLC FAROS CONSTR | 3,670 | 2,083 (091) | 51,641 (2.2) | 46.4 | - | - | -92.4 | - | - | - | - | -6.8 | 14.8 | -5.7 | -69.9 |
| | GEX | GELEX GROUP JSC | 15,802 | 10,411 (452) | 312,567 (13.6) | 37.7 | - | - | -14.4 | - | - | - | - | 1.7 | 7.3 | 15.7 | -41.9 |
| | CTD | COTECCONS CONSTR | 73,200 | 5,438 (236) | 36,217 (1.6) | 3.6 | 12.9 | 7.8 | -52.4 | 3.4 | 5.4 | 0.4 | 0.4 | 0.8 | 3.5 | 15.8 | -54.9 |
| | REE | REE | 51,826 | 18,419 (800) | 95,013 (4.1) | 0.0 | 14.0 | 12.2 | -4.5 | 15.5 | 14.1 | 2.4 | 2.1 | 4.5 | 9.5 | 30.4 | 39.5 |

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

| Ngành | Mã | Tên công ty | Giá bán | Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn) | GTGD (VND triệu, USDmn) | Room còn lại (%,-1d) | P/E (X) | | EPS CAGR (%) | ROE (%) | | P/B (X) | | Biến động (%) | | | |
|--------------------------------|-----|------------------|---------|------------------------------------|-------------------------|----------------------|---------|------|--------------|---------|------|---------|-----|---------------|------|------|-------|
| | | | | | | | 20E | 21E | | 20E | 21E | 20E | 21E | 1D | 1W | 1M | YTD |
| Tiện ích | GAS | PETROVIETNAM GAS | 90,100 | 172,447 (7,494) | 67,407 (2.9) | 46.1 | 17.4 | 16.1 | -17.5 | 20.9 | 19.6 | 3.7 | 3.5 | -0.7 | 1.7 | -1.3 | 11.9 |
| | NT2 | PETROVIETNAM NHO | 22,850 | 6,578 (286) | 12,979 (0.6) | 31.4 | 11.2 | 9.4 | -10.5 | 14.9 | 16.1 | 1.4 | 1.4 | -1.1 | 3.2 | -0.7 | -15.4 |
| | PPC | PHA LAI THERMAL | 26,200 | 8,400 (365) | 2,077 (0.1) | 34.1 | 18.3 | 10.0 | -5.1 | 6.7 | 11.9 | - | - | 0.6 | 0.3 | -6.3 | -26.0 |
| Nguyên vật liệu | HPG | HOA PHAT GRP JSC | 32,481 | 145,287 (6,314) | 809,175 (35.1) | 18.0 | 5.3 | 5.3 | 21.9 | 31.5 | 22.8 | 1.3 | 1.1 | 1.6 | -7.7 | - | -24.6 |
| | DPM | PETROVIETNAM FER | 17,400 | 6,809 (296) | 298,315 (12.9) | 36.5 | 6.4 | 9.4 | -0.5 | 32.8 | 18.7 | 1.7 | 1.6 | -3.9 | 5.6 | 14.3 | 13.0 |
| | DCM | PETRO CA MAU FER | 13,650 | 7,226 (314) | 183,412 (7.9) | 46.5 | 7.4 | 10.1 | -4.5 | 32.4 | 19.5 | 2.0 | 1.8 | -3.2 | 12.4 | -7.1 | -3.8 |
| | HSG | HOA SEN GROUP | 22,636 | 11,063 (481) | 205,706 (8.9) | 38.9 | 3.4 | 4.4 | 67.9 | 28.1 | 18.7 | 0.8 | 0.7 | 2.4 | 3.6 | - | -42.0 |
| | AAA | AN PHAT BIOPLAST | 12,864 | 3,138 (136) | 51,287 (2.2) | 97.2 | 12.4 | 11.1 | 17.2 | 7.0 | 7.6 | 0.9 | 0.8 | 1.2 | 8.1 | -4.1 | -36.9 |
| Năng lượng | PLX | VIETNAM NATIONAL | 56,100 | 68,375 (2,972) | 56,880 (2.5) | 4.6 | 16.1 | 12.4 | -51.0 | 13.8 | 15.9 | 1.6 | 1.6 | 2.8 | 5.1 | - | -21.1 |
| | PVD | PETROVIETNAM DRI | 19,500 | 9,854 (428) | 139,052 (6.0) | 39.9 | 27.4 | 12.9 | -11.9 | 3.3 | 5.9 | 0.8 | 0.7 | -0.5 | 8.7 | 13.0 | -11.4 |
| | PVT | PETROVIET TRANSP | 17,900 | 5,793 (252) | 65,017 (2.8) | 35.9 | 8.2 | 7.0 | 2.2 | 15.6 | 16.1 | 1.2 | 1.1 | 0.0 | 5.9 | 5.9 | -14.3 |
| Hàng tiêu dùng không thiết yếu | MWG | MOBILE WORLD INV | 93,000 | 65,024 (2,826) | 195,439 (8.5) | 0.0 | 15.5 | 12.9 | 14.4 | 27.6 | 27.2 | 4.1 | 3.5 | 0.0 | 4.5 | -6.6 | 2.3 |
| | PNJ | PHU NHUAN JEWELR | 87,500 | 19,895 (865) | 69,980 (3.0) | 0.0 | 18.7 | 14.6 | 2.4 | 22.3 | 22.2 | 3.2 | 2.7 | -1.0 | 11.9 | 6.4 | 18.8 |
| | YEG | YEAH1 GROUP CORP | 40,300 | 1,261 (055) | 4,953 (0.2) | 70.6 | - | - | - | - | - | - | - | -1.5 | -2.4 | -3.2 | -34.9 |
| | FRT | FPT DIGITAL RETA | 28,200 | 2,227 (097) | 133,106 (5.8) | 30.3 | 15.3 | 12.8 | -75.2 | 30.5 | 28.4 | 4.4 | 3.3 | 2.2 | 13.2 | 14.1 | 24.3 |
| | PHR | PHUOC HOA RUBBER | 61,900 | 8,387 (365) | 30,614 (1.3) | 34.6 | 8.8 | 10.3 | 41.2 | 33.5 | 22.9 | 2.5 | 1.9 | -1.3 | 5.5 | -8.3 | -11.8 |
| Chăm sóc sức khỏe | DHG | DHG PHARMACEUTIC | 100,300 | 13,114 (570) | 1,672 (0.1) | 45.4 | - | - | 10.7 | - | - | - | - | 0.0 | 1.8 | -6.7 | -17.7 |
| | PME | PYMEPHARCO JSC | 80,200 | 6,016 (261) | #N/A (#N/A) | 11.7 | - | - | 1.6 | - | - | - | - | - | - | - | - |
| IT | FPT | FPT CORP | 68,000 | 61,301 (2,664) | 249,840 (10.8) | 0.0 | 21.9 | 15.5 | 15.5 | 26.1 | 29.1 | 4.6 | - | 0.6 | 8.9 | 1.2 | 13.5 |

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình
Giám đốc Khối Phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu
Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp
hieudd@kbsec.com.vn

Nguyễn Anh Tùng
Chuyên viên cao cấp – Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Hoàng Bảo Nga
Chuyên viên cao cấp – Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng
ngaphb@kbsec.com.vn

Lương Ngọc Tuấn Dũng
Chuyên viên phân tích – Bán lẻ & Hàng tiêu dùng
dunglnt@kbsec.com.vn

Tiêu Phan Thanh Quang
Chuyên viên phân tích – Dầu khí & Tiện ích
quangtpt@kbsec.com.vn

Nguyễn Đức Huy
Chuyên viên phân tích – Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán
huynd1@kbsec.com.vn

Khối Phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh
Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư
anhhd@kbsec.com.vn

Lê Hạnh Quyên
Chuyên viên phân tích – Vĩ mô & Ngân hàng
quyenlh@kbsec.com.vn

Thái Hữu Công
Chuyên viên phân tích – Chiến lược, Hóa chất
congth@kbsec.com.vn

Trần Thị Phương Anh
Chuyên viên phân tích – Chiến lược, Thủy sản & Dệt may
anhhttp@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ
Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương
Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

| Mua: | Nắm giữ: | Bán: |
|-------------------|---------------------------|--------------------|
| +15% hoặc cao hơn | trong khoảng +15% và -15% | -15% hoặc thấp hơn |

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

| Khả quan: | Trung lập: | Kém khả quan: |
|--------------------------|--------------------|--------------------|
| Vượt trội hơn thị trường | Phù hợp thị trường | Kém hơn thị trường |

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.